

Số: 817/SNN&PTNT-QLCL

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

V/v thực hiện Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn Tỉnh

Kính gửi:

- Thường trực Ủy ban MTTQ Tỉnh, Hội liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Đoàn TNCS HCM Tỉnh; Ban chỉ đạo 389 Tỉnh;
- Các sở, ngành: Công an Tỉnh, Y tế, Công thương, Thông tin và Truyền thông, Tài Nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Ban Xây dựng nông thôn mới;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Tỉnh, Báo Quảng Ninh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Ngày 05/3/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn Tỉnh (theo Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh). Để việc triển khai thực hiện đạt mục tiêu đề ra trong năm 2018 đồng thời, cung cấp đầy đủ thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị các cơ quan, đơn vị UBND các địa phương triển khai Kế hoạch hành động như sau:

1. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh, Ban chỉ đạo 389 Tỉnh (Cục Hải quan tỉnh), Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Đoàn TNCS HCM Tỉnh và các Sở, ban, ngành của Tỉnh:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kính đề nghị Quý cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ trong Kế hoạch hành động được UBND tỉnh phân công chủ động phối hợp, tổ chức triển khai đạt mục tiêu, hiệu quả. Đồng thời thông tin, báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, và tổng kết năm (theo mẫu tại Phụ lục I kèm theo).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng Kế hoạch hành động bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn theo phân công phân cấp và tổ chức thực hiện; ưu tiên bố trí kinh phí của địa phương để triển khai các nội dung của Kế hoạch hành động và báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, và tổng kết năm hoặc đột xuất (theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo).

3. Các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT:

Sở Nông nghiệp và PTNT yêu cầu các đơn vị trực thuộc Sở chủ động, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch hành động. Đồng thời, báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, và tổng kết năm hoặc đột xuất (theo mẫu tại Phụ lục II kèm theo).

4. Thời hạn, hình thức báo cáo:

- Thời hạn báo cáo: Báo cáo định kỳ hàng tháng gửi trước ngày 20 hàng tháng. Báo cáo sơ kết 6 tháng gửi trước ngày 15/6 hàng năm. Báo cáo tổng kết năm gửi trước ngày 10/12 hàng năm. Biểu mẫu báo cáo được đăng tải trên Website của Sở Nông nghiệp và PTNT tại địa chỉ: <http://www.quangninh.gov.vn/So/sonongnghiepptnt/>

- Hình thức báo cáo: Các báo cáo gửi bản giấy và file điện tử về Sở Nông nghiệp và PTNT (qua Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản) và địa chỉ email: nguyentienvan@quangninh.gov.vn.

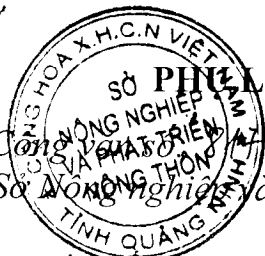
Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Tỉnh, Hội Nông dân Tỉnh, Đoàn TNCS HCM Tỉnh, Ban chỉ đạo 389 Tỉnh; các Sở, ban, ngành liên quan; UBND các địa phương; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở quan tâm tổ chức triển khai thực hiện và kịp thời báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Cục Hải quan Tỉnh;
 - LĐ Sở: GD (để b/c), các PGĐ;
 - Các phòng: KH-TC, Thanh tra Sở;
 - Các Chi cục: CN&TY, TT&BVTV, TS, KL, TL, PTNT;
 - Phòng NN&PTNT/Kinh tế các địa phương;
 - Lưu: VP, QLCL.
- } (để thực hiện);



Nguyễn Văn Công



SỞ PHỤ LỤC I:

(Ban hành kèm theo Công văn số 21/SNN&PTNT-QLCL ngày 21/3/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: / , ngày tháng năm

THÔNG TIN/BÁO CÁO

Công tác tháng/quý/6 tháng/năm thực hiện Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC

1. Công tác chỉ đạo các nội dung có liên quan

- Văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện.
- Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật (số lượng, nội dung,..).
- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật (số lượng, nội dung, hình thức...)

2. Công tác tổ chức thực hiện theo các nội dung được phân công theo Kế hoạch

- Việc lựa chọn mô hình triển khai thực hiện sản xuất kinh doanh nông sản an toàn...;
- Phối hợp kiểm tra, giám sát ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp theo Kế hoạch số 42/KH-UBND-UBMTTQ ngày 17/5/2017
- Triển khai thực hiện Chương trình phối hợp số 526/CTPH-CP-HNDVN-HLHPNVN ngày 03/11/2017 giữa Chính phủ - Hội Nông dân Việt Nam - Hội Liên hiệp Phụ Nữ Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

3. Các công tác khác

4. Đánh giá

- Ưu điểm:.....
- Tồn tại, hạn chế:.....

II. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM THÁNG/QUÝ/6 THÁNG CUỐI NĂM

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Nơi nhận:

- Chi cục Quản lý CLNLS&TS (để tổng hợp);
-
- Lưu VT....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



PHỤ LỤC II:

(Ban hành kèm theo Công văn số .../SNN&PTNT-QLCL ngày 21/3/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT Quảng Ninh)

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN TRỰC TIẾP
TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO

Kết quả công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản tháng .../quý/6 tháng đầu năm.../ năm....., kế hoạch tháng .../6 tháng cuối năm..... / năm.....

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC THÁNG.../QUÝ/6 THÁNG ĐẦU NĂM.../ NĂM...

1. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật

Công tác quán triệt, thực hiện các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của UBND tỉnh), cụ thể:

Đã ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật, kế hoạch/văn bản ... để triển khai; đã có báo cáo số ... về kết quả triển khai các văn bản nêu trên.

Đánh giá chung tình hình triển khai ở các (cấp huyện; cấp xã/phường/thị trấn):...

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Thông tin, truyền thông về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

STT	Hoạt động thông tin, truyền thông (*)	Nội dung	Số lượng/buổi	Đối tượng	Số người tham dự/phạm vi bao phủ
1					
...					

(*) Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tin, bài trên báo viết, phát thanh, truyền hình, tờ rơi, tờ dán....

- Đánh giá, nhận xét tác động của các hình thức tuyên truyền, phổ biến đến người dân, doanh nghiệp về quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn
Rà soát, cập nhật Danh sách chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

TT	Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất ban đầu	Tên, địa chỉ cơ sở thu mua sơ chế, chế biến, giết mổ, chế biến bảo quản, vận chuyển	Tên, địa chỉ nơi bán sản phẩm	Loại sản phẩm	Đã được cấp giấy xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn
1.					
...					

- Đánh giá, nhận xét:

2.3. Lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm

STT	Loại mẫu giám sát	Chỉ tiêu giám sát	Mẫu vi phạm trong kỳ báo cáo		
			Số mẫu vi phạm/số mẫu giám sát	Chỉ tiêu vi phạm	Tỷ lệ vi phạm (%)
1	Thịt tươi các loại	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
2	Thịt chế biến	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
3	Rau, củ, quả	Thuốc BVTV			
		Vi sinh			
4	Sản phẩm nguồn gốc thực vật khác (măng, dưa muối, chè, cà phê...)	Vi sinh			
		Hóa chất, thuốc BVTV			
		Chất cấm			
5	Thủy sản nuôi	Kháng sinh cấm, chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			
6	Thủy sản chế biến	Chất cấm			
		Hóa chất, kháng sinh			
		Vi sinh			

- Đánh giá, nhận xét kết quả giám sát so với các tháng trước; kết quả truy xuất, thu hồi, xử lý các sản phẩm vi phạm.

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.4.1. Kiểm tra, phân loại cơ sở sản xuất, kinh doanh VTNN, sản phẩm nông lâm thủy sản, xử lý cơ sở loại C theo Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, nội dung thống kê theo Bảng 01.

- Thống kê số liệu vào Phần mềm

- Cập nhật File excel “Danh sách cập nhật kết quả thống kê, kiểm tra, xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản tính từ thời điểm triển khai Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT cho đến thời điểm báo cáo” theo mẫu tại Phụ lục kèm theo (qua địa chỉ email: nguyentienvan@quangninh.gov.vn) khi có sự thay đổi về kết quả kiểm tra, thông tin về cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản.

2.4.2. Kết quả triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014 ban hành Quy định điều kiện bảo đảm ATTP và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ:

Tính đến nay có ... cơ sở ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn, đã tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung đã cam kết của các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ của ... cơ sở, phát hiện ... cơ sở chưa đạt yêu cầu, biện pháp xử lý... Nội dung thống kê theo Bảng 02.

2.4.3. Thanh tra chuyên ngành về VTNN, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; truy xuất, thu hồi và xử lý các sản phẩm VTNN, nông lâm thủy sản không đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm.

a) Về vật tư nông nghiệp

Loại vật tư nông nghiệp	Thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch				Thanh tra chuyên ngành đột xuất			
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
Thức ăn chăn nuôi								
Thuốc bảo vệ thực vật								
Thuốc thú y								
Phân bón								
Khác								

b) Về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Loại sản phẩm	Thanh tra chuyên ngành theo kế hoạch				Thanh tra chuyên ngành đột xuất			
	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)	Tổng số cơ sở	Số cơ sở vi phạm	Số cơ sở vi phạm bị phạt tiền	Tổng số tiền phạt (triệu đồng)
Thịt và các sản phẩm thịt								
Thủy sản và các sản phẩm thủy sản								
Thực vật và các sản phẩm thực vật								

2.5. Tổ chức sản xuất thực phẩm an toàn

- Việc thực hiện Đề án đảm bảo ATTP tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung giai đoạn 2014-2020 theo Quyết định số 2685/QĐ-UBND ngày 17/11/2014 của UBND tỉnh trên địa bàn;

- Kết quả phát triển và nhân rộng mô hình nuôi trồng đảm bảo ATTP; hướng dẫn, khuyến khích áp dụng quy trình VietGAP tại các vùng chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản tập trung tại địa phương;

- Việc kiểm soát việc thu gom, tổ chức xử lý bao gói thuốc BVTV, các loại hóa chất dùng trong nông nghiệp sau sử dụng, thuốc BVTV ngoài danh mục, hết hạn sử dụng,....

.....
2.6. Tổ chức kết nối với tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn

Việc thực hiện Chương trình OCOP tỉnh; xúc tiến thương mại, xây dựng phát triển thương hiệu và quản lý chất lượng nông sản theo chuỗi; kết nối tiêu thụ, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản an toàn gắn với sản phẩm trong chương trình OCOP Tỉnh tại địa phương. Nội dung thống kê theo Bảng 03.

2.7. Tổ chức lực lượng, nâng cao năng lực

- Việc phân công nhiệm vụ, bố trí cán bộ đảm nhiệm công tác quản lý chất lượng, ATTP ở các địa phương/đơn vị.

- Số lượng cán bộ làm quản lý chất lượng VTNN, ATTP nông lâm thủy sản trong đó, số cán bộ chưa được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ;

- Kinh phí cấp cho công tác quản lý về chất lượng VTNN, ATTP năm 2018 tại địa phương.

2.8. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm trong nước.

3. Tăng cường nguồn lực

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

2. Tồn tại, hạn chế

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

III. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM CÔNG TÁC THÁNG .../ 6 THÁNG CUỐI NĂM.../ NĂM...

1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai chính sách, pháp luật

2. Tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật

2.1. Thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

2.2. Hỗ trợ xây dựng, kết nối chuỗi cung ứng nông sản thực phẩm an toàn

2.3. Hoạt động lấy mẫu, giám sát an toàn thực phẩm

2.4. Hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.5. Giải quyết các sự cố gây mất an toàn thực phẩm

3. Tăng cường nguồn lực

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

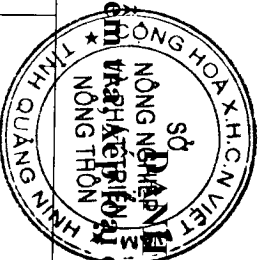
- Chi cục Quản lý CLNLS&TS (để tổng hợp);

-

- Lưu VT....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Bảng 01
Kết quả thống kê, kiểm tra và xếp loại các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đến tháng.../...

STT	Tên cơ sở sản xuất kinh doanh	Loại hình sản xuất, kinh doanh	Cấp thống kê, kiểm tra, phân loại	Địa chỉ	Điện thoại	Fax	Thư điện tử	Tên hệ thống đảm bảo chất lượng, ATTP	Kết quả xếp loại (A/B/C) gần nhất đến thời điểm báo cáo	Ngày kiểm tra xếp loại A/B/C
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)

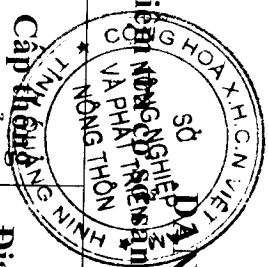
Ghi chú:

- (1) STT: Đánh số tăng dần từ 1 đến hết số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đã có
- (2) Tên cơ sở sản xuất kinh doanh: là cơ sở đã được thống kê từ khi bắt đầu triển khai Thông tư 14/2011/TT-BNNPTNT (nay là Thông tư 45/2014/TT-BNNPTNT) cho đến thời điểm báo cáo
- (3) Loại hình sản xuất, kinh doanh: ghi cụ thể tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh của cơ sở, ví dụ: SXKD giò chả, rau, thịt, gia súc gia cầm, gạo, trái cây, ...
- (4) Ghi cấp tỉnh hoặc huyện hoặc xã theo phân công, phân cấp của địa phương thực hiện thống kê, kiểm tra, phân loại
- (9) Tên hệ thống quản lý chất lượng: ISO/HACCP/GLOBALGAP/GMP ...
- (10) Kết quả xếp loại (A/B/C) gần nhất đến thời điểm báo cáo: dành cho các cơ sở đã được kiểm tra, xếp loại. Ví dụ đối với cơ sở Nguyễn Văn A, tháng 2 mới kiểm tra xếp loại B, sau đó chưa đến thời hạn kiểm tra định kỳ mà kỳ báo cáo là tháng 6/2015 thì ghi vào là B; đến kỳ báo cáo tháng 7/2015 đã tổ chức kiểm tra định kỳ cơ sở này và kết quả xếp loại là C thì ghi là C.
- (11) Ngày kiểm tra xếp loại A/B/C: là ngày kiểm tra xếp loại cơ sở đó.

Bảng 02

DANH SÁCH CẬP NHẬT

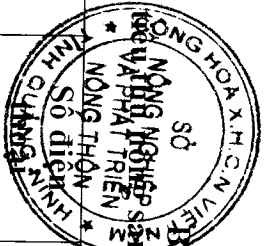
Kết quả thông kê, ký cam kết, kiểm tra và đánh giá sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ đến tháng.../...



STT	Tên cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ	Loại hình sản xuất, kinh doanh	Cấp độ thống kê, kiểm tra	Địa chỉ	Điện thoại	Chưa ký cam kết	Đã thực hiện ký cam kết	Kết quả kiểm tra việc thực hiện dung đã cam kết		Kết quả xử lý cơ sở vi phạm	
								(9)	(10)	(9)	(10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Đạt	Không đạt	Cơ sở vi phạm lần đầu	Cơ sở vi phạm cam kết lần thứ hai trở lên
Cộng:											

- Ghi chú:**
- (1) STT: Đánh số tăng dần từ 1 đến hết số lượng cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản ban đầu nhỏ lẻ
 - (2) Tên cơ sở sản xuất kinh doanh: là cơ sở đã được thống kê từ khi bắt đầu triển khai Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT đến thời điểm báo cáo.
 - (3) Loại hình sản xuất, kinh doanh: ghi cụ thể tên sản phẩm sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản của cơ sở, ví dụ: SXKD trồng trọt (Rau, quả,...), chăn nuôi (lợn, gà, trâu, bò,...), thu hái (chè, cà phê,...), đánh bắt, khai thác (lợn, cá, mực,...) cung cấp sản phẩm ra thị trường...
 - (4) Ghi cấp huyện hoặc xã thực hiện theo phân cấp của địa phương.
 - (7), (8) Ghi dấu (X) vào ô tương ứng.
 - (9), (10) Ghi theo kết quả Biên bản kiểm tra việc thực hiện cam kết sản xuất thực phẩm an toàn đối với cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ.

Kết quả thực hiện kết nối với các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm an toàn trong chương trình OCOP tỉnh



Đãng 03.

STT	TÊN CƠ SỞ	Loại hình SXKD (Doanh nghiệp/HTX/Hộ gia đình)	Địa chỉ	Số điện thoại	Tên sản phẩm	Công tác quản lý chất lượng, ATTP nông sản	Chưa cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/Ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở nhỏ lẻ)	Các hoạt động tham gia (Hội chợ, xúc tiến thương mại, kết nối tiêu thụ, quảng bá, giới thiệu...)
						Đã cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/Ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở ban đầu nhỏ lẻ)	Chưa cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP/Ký cam kết sản xuất thực phẩm an toàn (đối với cơ sở ban đầu nhỏ lẻ)	